

Nội dung cơ bản tuyên truyền về Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước

1. Khái niệm bí mật nhà nước: Luật Bảo vệ bí mật nhà nước đã xác định lại khái niệm bí mật nhà nước theo hướng khái quát, nhưng đảm bảo chặt chẽ, đáp ứng tính ổn định của Luật, cụ thể theo khoản 1, 2 Điều 2 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2018 quy định:

Bí mật nhà nước là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Luật này, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

Hình thức chứa bí mật nhà nước bao gồm tài liệu, vật, địa điểm, lời nói, hoạt động hoặc các dạng khác.

Bảo vệ bí mật nhà nước là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng lực lượng, phương tiện, biện pháp để phòng, chống xâm phạm bí mật nhà nước.

2. Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước: Điều 3 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2018 quy định:

- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; phục vụ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Bảo vệ bí mật nhà nước là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Việc quản lý, sử dụng bí mật nhà nước bảo đảm đúng mục đích, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Chủ động phòng ngừa; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Bí mật nhà nước được bảo vệ theo thời hạn quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2018, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của pháp luật.

3. Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước: Tại Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước 2018 quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước như sau:

- Làm lộ, chiếm đoạt, mua, bán bí mật nhà nước; làm sai lệch, hư hỏng, mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

- Thu thập, trao đổi, cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước trái pháp luật; sao, chụp, lưu giữ, vận chuyển, giao, nhận, thu hồi, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trái pháp luật.

- Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ trái pháp luật.

- Lợi dụng, lạm dụng việc bảo vệ bí mật nhà nước, sử dụng bí mật nhà nước để thực hiện, che giấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp hoặc cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng Internet, mạng máy tính,

mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

- Truyền đưa bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin, viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu.

- Chuyển mục đích sử dụng máy tính, thiết bị khác đã dùng để soạn thảo, lưu giữ, trao đổi bí mật nhà nước khi chưa loại bỏ bí mật nhà nước.

- Sử dụng thiết bị có tính năng thu, phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước dưới mọi hình thức khi chưa được người có thẩm quyền cho phép.

- Đăng tải, phát tán bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, mạng máy tính và mạng viễn thông.

4. Xử phạt hành chính hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước: Theo Điều 19 Nghị định 144/2021/NĐ-CP thì hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước bị xử phạt như sau:

| Hành vi | Mức phạt tiền |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Không ban hành quy chế, nội quy bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan, tổ chức, địa phương theo quy định;- Sao, chụp, lưu giữ, vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không đúng quy định;- Không thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước theo quy định.- Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác mà không được phép của người có thẩm quyền;- Không bàn giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước;- Sử dụng bí mật nhà nước không đúng mục đích;- Xác định bí mật nhà nước đối với tài liệu không chứa nội dung bí mật nhà nước, đóng dấu chỉ độ mật lên tài liệu không chứa nội dung bí mật nhà nước không đúng quy định;- Xác định sai độ mật theo quy định.- Không xác định, đóng dấu chỉ độ mật bí mật nhà nước theo quy định. | Phạt tiền từ 1.000.000 - 3.000.000 đồng |
| <ul style="list-style-type: none">- Thu thập bí mật nhà nước không đúng quy định của pháp luật;- Không thực hiện biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả khi để xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước; | Phạt tiền từ 3.000.000 - 5.000.000 đồng |

| | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Không thông báo với cơ quan, người có thẩm quyền khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước; - Không loại bỏ bí mật nhà nước khi chuyển mục đích sử dụng máy tính, thiết bị khác đã dùng để soạn thảo, lưu giữ, trao đổi bí mật nhà nước; - Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không đúng quy định. | |
| <ul style="list-style-type: none"> - Soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông không đúng quy định của pháp luật; - Sử dụng thiết bị có tính năng thu, phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình hoặc hình thức khác trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước mà không được phép của người có thẩm quyền; - Làm sai lệch, hư hỏng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; - Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước không đúng quy định của pháp luật; - Vào địa điểm lưu giữ, bảo quản bí mật nhà nước hoặc quay phim, chụp ảnh, vẽ sơ đồ địa điểm lưu giữ, bảo quản bí mật nhà nước mà không được phép của người có thẩm quyền. | Phạt tiền từ 5.000.000 - 10.000.000 đồng |
| <ul style="list-style-type: none"> - Làm lộ bí mật nhà nước; làm mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; - Đăng tải, phát tán bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, mạng máy tính và mạng viễn thông không đúng quy định của pháp luật; - Truyền đưa bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin, viễn thông không đúng quy định. | Phạt tiền từ 20.000.000 - 30.000.000 đồng |
| <p>Lưu ý: Mức phạt đối với tổ chức bằng 02 lần đối với cá nhân (khoản 2 Điều 4 Nghị định 144/2021/NĐ-CP).</p> | |

5. Truy cứu trách nhiệm hình sự hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước: Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 337, 338 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) về các tội như sau:

5.1. Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước

* Người nào cố ý làm lộ bí mật nhà nước, chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

* Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

- Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật;
- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa.

* Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:

- Có tổ chức;
- Bí mật nhà nước thuộc độ tuyệt mật;
- Phạm tội 02 lần trở lên;
- Gây tổn hại về chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

5.2. Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước

* Người nào vô ý làm lộ bí mật nhà nước hoặc làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

* Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật, tuyệt mật;
- Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa, chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm./.
